

Bản án số: 31/2017/HS-PT
Ngày: 23-11-2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Minh Quán.

Các Thẩm phán: Bà Lù Làn Din và bà Nguyễn Thị Lương;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Huynh và bà Trần Thị Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 23/11/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 31/2017/HSPT ngày 23/8/2017 đối với bị cáo Lý A G cùng đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2017/HSST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: Lý A G - Sinh ngày 26/12/1983.

Nơi cư trú: Thôn K - xã B - huyện B - tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Dáy; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý A T và bà Hồ Thị T; có vợ là Tần Tả M; bị cáo có 03 người con, lớn sinh 2006, nhỏ sinh 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 25/02/2014 đến ngày 10/7/2017 được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm - Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Hồ A N - Sinh ngày 12/4/1986.

Nơi cư trú: Thôn L - xã Q - huyện B - tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Dáy; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn K và bà Hù Thị L; có vợ là Lục Thị N; bị cáo có 02 người con, lớn sinh 2007, nhỏ sinh 2009 ;

Tiền án, tiền sự : Không

Bị bắt ngày 27/02/2014 đến ngày 10/7/2017 được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Hoàng Văn S - Sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Dáy; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Láo L và con bà Sí Thị L (đều đã chết); có vợ là Vùi Thị Y; bị cáo có 05 người con, lớn sinh 1996, nhỏ sinh 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 20/02/2014 đến ngày 10/7/2017 được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Vàng Văn T - Sinh 1970.

Nơi cư trú: Thôn C - xã M - huyện B - tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Dáy; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng Văn L (đã chết) và con bà Lò Thị V; có vợ là Làng Thị C; bị cáo có 02 người con, lớn sinh 1990, nhỏ sinh năm 1992.

Tiền án, tiền sự: Không ;

Bị bắt ngày 27/02/2014 đến ngày 10/7/2017 được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm - Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Lý Láo S -Sinh ngày 24/11/1983 .

Nơi cư trú: Thôn N - xã B - huyện B - tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Chấn S và con bà Tần Mùi N ; bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh 2006.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 20/02/2014 đến ngày 10/7/2017 được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm - Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Nguyễn Văn T - Sinh ngày 24/12/1972.

Nơi cư trú: Tổ 23 - phường D - Thành phố Lào Cai - tỉnh Lào Cai.

Chỗ ở: Thôn 3 xã Đ - Thành phố L - tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và con bà Sần Thị T; có vợ là chị Tần Thị T; bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh 1992, nhỏ nhất sinh 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 27/02/2014, hiện được tại ngoại - Vắng mặt tại phiên tòa.

* Ngoài ra còn có 03 bị cáo: Hoàng Văn T; Lý Dịu P; Lý Ông Đ không có kháng cáo, kháng nghị.

- Người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo:

*** Những người bào chữa:**

1. Người bào chữa cho bị cáo Lý A G: Ông Nguyễn Minh L và ông Nguyễn Hồng Đ, luật sư Công ty luật trách nhiệm hữu hạn D - Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội; (Vắng mặt tại phiên tòa). Bà Nguyễn Thị D, luật sư văn phòng Luật sư D Song - Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn S: Ông Nguyễn Minh L; ông Nguyễn Hồng Đ và ông Nguyễn Trung T, luật sư Công ty luật trách nhiệm hữu hạn D - Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. (Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Người bào chữa cho bị cáo Hồ A N: Bà Nguyễn Thị D, luật sư văn phòng Luật sư D Song - Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa).

4. Người bào chữa cho bị cáo Vàng Văn T: Ông Nguyễn Văn Đ luật sư văn phòng luật sư B - Đoàn luật sư tỉnh Lào Cai. (Có mặt tại phiên tòa).

5. Người bào chữa cho bị cáo Lý Láo S: Ông Nguyễn Trung T luật sư Công ty luật trách nhiệm hữu hạn D - Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. (Vắng mặt tại phiên tòa).

6. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Ông Phan Tùng L luật sư công ty luật hợp danh N - Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội; Ông Nguyễn Minh L, ông Nguyễn Hồng Đ và ông Nguyễn Trung T - Luật sư Công ty luật trách nhiệm hữu hạn D - Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. (Vắng mặt tại phiên tòa).

*** Những người bị hại:**

1. Ông Bùi Văn L - sinh năm 1976

Trú tại: Đội 10 - xã Q - huyện B - tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Ông Lý A T - sinh năm 1956

Trú tại: Thôn K - xã B - huyện B - tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Bà Phàn Sử M - sinh năm 1955.

Trú tại: Thôn N - xã B - huyện B - tỉnh Lào Cai. (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người phiên dịch tiếng Dao:** Ông Lý Văn T – Trú tại: Xã Đ, Thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Đầu năm 2013, Lý A G rủ Hồ A N, Lý Ông Đ, Hoàng Văn S, Hoàng Văn T cùng tham gia đi trộm cắp trâu mổ lấy thịt bán để lấy tiền chia nhau tiêu sài. Hoàng Văn S rủ Vàng Văn T, Lý Dú P cùng tham gia; P rủ thêm Lý Láo S tham gia trộm cắp trâu. Hồ A N quen Nguyễn Văn T và Hoàng Văn S1 là người buôn bán thịt trâu, nên G và N đã gặp S1 và T để thỏa thuận việc mua bán thịt trâu, sau khi bắt trộm được trâu mổ lấy thịt trâu thì sẽ điện thoại để bán cho S1 và T. Trong năm 2013 các bị cáo đã cùng nhau thực hiện 03 vụ trộm cắp trâu trên địa bàn huyện B, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Chiều ngày 26/04/2013, Lý A G, Hồ A N, Hoàng Văn S, Vàng Văn T, Lý Láo S, Lý Dú P, Lý Ông Đ và Hoàng Văn T tập trung tại quán nhà sàn của ông Lý Văn T, ở gần Ủy ban nhân dân xã B, huyện B để rủ nhau cùng đi trộm cắp trâu. Tại đây G và N đã bàn bạc, thống nhất với đồng bọn việc đi tìm trâu để trộm cắp, sau đó đưa ra khu vực vắng để giết mổ lấy thịt và đùi trâu bán lấy tiền chia nhau; dụng cụ để giết mổ trâu G chuẩn bị. Sau khi bàn bạc xong, N đi xe máy chở Đ đến khu vực đồi vải của gia đình ông Bùi Văn Q ở đội 10 xã Q, huyện B để xem xét địa điểm nhằm trộm cắp trâu. Xem xét xong, N và Đ quay lại quán nhà sàn thống nhất với cả nhóm đến tối sẽ đi trộm cắp trâu ở khu vực xã Q. Lúc này G đi vào B, B đón Hoàng Văn T để cùng đi trộm cắp trâu, vì G đã hẹn và thống nhất với T từ trước. Đến khoảng hơn 17 giờ cùng ngày, G đi xe máy của mình đèo T và bao tải đựng dụng cụ giết mổ trâu gồm: 01 Búa tạ, 02 dao bầu, 01 dao tông 01 thanh đá mài và một số bao tải sác rằn màu vàng, dây thừng; S đi xe máy của mình đèo P và T; N đi xe máy của mình đèo S và Đ, cả nhóm đi đến khu vực đồi vải nhà ông Q thì dựng xe máy ở vệ đường, sau đó chia nhau đi tìm trâu để trộm cắp. S và Đ đi bộ qua đồi vải nhà ông Q khoảng 1,5km, đến khu đồi rừng vầu thì thấy con trâu nhà ông Bùi Văn L, trú tại Đội 10, xã Q, huyện B đang thả trên đồi, không có người trông coi. Đ và S đã trộm cắp con trâu này và S gọi điện cho N thông báo đã trộm cắp được trâu và hẹn gặp ở suối B. Sau đó Đ và S dắt trâu đến bờ suối phía bên B, xã B. Khi biết Đ và S đã tìm được trâu, G điện thoại thông báo cho Hoàng Văn S1 sinh 1951 trú tại tổ 11 phường B, Thành phố L, tỉnh Lào Cai là người quen G làm nghề mua bán thịt trâu bò là đã trộm cắp được một con trâu hẹn tối S1 đến mua. G, N, T, S, P và T cùng đi xe máy quay lại xã B và rẽ vào đường đi lên thôn T, sau đó tất cả để xe máy ở cạnh đường cách lối rẽ khoảng 50 mét rồi đi bộ theo đường mòn xuống suối B đến chỗ S và Đ đang đứng đợi. G cùng T mang bao tải đựng dụng cụ đi sau cùng, trên đường đi T soi đèn pin cho G chặt

cây gỗ ở ven đường để tra làm cán búa. Đến nơi T và Đ cầm đèn Pin soi, G dùng búa đập ba nhát liên tiếp vào đầu trâu làm cho trâu gục xuống, sau đó N, S cùng các bị cáo dùng dao cắt lấy 4 đùi và thịt trâu cho vào 05 bao tải. Sau khi mổ trâu xong G điện thoại cho Hoàng Văn S1 đến mua rồi cùng đồng bọn khiêng thịt trâu lên đường. Hoàng Quang T là con trai Hoàng Văn S1 lái xe ô tô tải đến và lùi xe đến nơi để thịt trâu. T mang dụng cụ đi xuống chỗ để xe máy, Lý A G đi đến ca bin xe gặp S1, S1 trả cho G 8.000.000đồng. Còn N, Đ, S, T, P, S cho thịt lên thùng xe. Ngay sau đó G đã chia tiền cho mỗi người 800.000đồng rồi cả bọn cùng nhau đi về. G chở T về đến Ngã tư B thì đưa cho T 800.000 đồng rồi G đi về nhà.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận con trâu của gia đình ông Bùi Văn L trị giá 35.000.000đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 14 giờ chiều ngày 19/6/2013, N điện thoại cho Đ, S, T thông báo cùng nhau tập trung ở gốc đa thuộc thôn Km4, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai để rủ nhau đi trộm trâu. Đ điện thông báo cho P, sau đó P đi xuống nhà S để rủ đi cùng. S rủ T; S đi xe máy của mình đèo P đến gốc đa gặp S đi xe máy đèo T, N đi xe máy của N cũng đến, một lúc sau Đ đến. Tại đây N bảo cả nhóm chia nhau đi tìm trâu và thống nhất buổi tối tập trung ở gốc đa để cùng đi trộm trâu. S đèo P, S đèo T, N đèo Đ, mỗi nhóm đi một nơi. N đèo Đ đến khu vực thuộc xã Q nhưng không tìm được trâu, sau đó lại quay về khu vực gốc đa, N chỉ lên chuồng trâu nhà ông Lý A T bảo tối sẽ trộm trâu ở đó, sau đó cả nhóm giải tán. Khoảng 19 giờ, N đi xe máy chở bao tải đựng dụng cụ gồm 01 búa tạ, 02 dao tông, 02 dao bầu, đá mài và một số bao tải sắc răn đến khu vực gốc đa gặp S, Đ, P, S, T. Sau đó N quay lại ngã tư B đón T đến, vì trước đó N đã điện hẹn tối đón T cùng đi trộm trâu. Sau đó tất cả dựng 03 xe máy ở bãi đất gần gốc đa, rồi cùng nhau đi về hướng nhà ông Lý A T, T là người mang bao đựng cụ. Đi được khoảng 50 mét đến khu vực gốc mai phía bên đồi thì cả nhóm rẽ lên đồi nhà ông Tấn Phù Niêm, tiếp tục đi theo đường đồi vòng qua phía sau nhà ông Lý A T đến một đồi cây tạp của ông Hoàng Văn Phà tập trung ở đó. N và T quay lại nhà Ông Lý A T và đi đến chuồng trâu, trong chuồng có 2 con trâu. N cảnh giới, còn T nhặt 1 hòn đá và 01 đoạn gỗ để tháo văng chuồng trâu, T vào trong chuồng và nhặt một đoạn dây thừng dưới chân cột chuồng trâu buộc vào sọ mũi trâu, sau đó T dắt trâu, còn N đi phía sau. Khi đi đến địa điểm cả nhóm đang đứng đợi thì T đưa trâu cho N. N đưa cho Đ buộc trâu vào gốc cây ngựa rồi N dùng búa đập vào đầu trâu, mọi người cùng nhau mổ trâu lột lấy thịt và 4 đùi trâu cho vào 04 bao tải khiêng theo đường cũ ra đến đường tỉnh lộ 158 cạnh búi mai thì gặp ô tô của Hoàng Quang T đến mua thịt trâu. Vì trước đó, N điện cho S1 đến mua thịt trâu, nhưng S1 bận không đi được nên đã cho N số điện thoại của Trung (*Con trai của S1*), vì vậy N điện cho Trung đi ô tô tải thùng biển số 24N-3847 đến mua số thịt trâu trên, Trung trả cho N 8.000.000 đồng N nhận tiền về chia cho

mỗi người 1.000.000 đồng. S đèo Đ và P, S đèo T về nhà, còn N đèo T về đến ngã tư B thì đưa cho T 1.000.000 đồng. N một mình đi về nhà.

Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận con trâu của gia đình ông Lý A T trị giá 28.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Chiều ngày 13/11/2013, G điện thoại hẹn cả nhóm tối tập trung ở khu vực nghĩa trang xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai để tối trộm cắp trâu. Sau đó S điện rủ Đ xuống nghĩa trang và hỏi Đ biết chỗ nào có trâu để trộm cắp không, Đ bảo nhà bà Phan Sừ M có 02 con trâu, S hẹn tối tập trung tại nghĩa trang B để đi trộm trâu nhà bà M, Đ lên nhà Lý Dịu P rủ hẹn P tối cùng đi trộm trâu, sau đó suồng nhà Lý Láo S rủ S. Khoảng 20 giờ Đ cùng S đi đến nghĩa trang B gặp G, N, T, S ở đó, một lúc sau P đến, G bảo S và Đ đi trộm trâu, còn lại tất cả đi xuống nương ngô nhà bà Lý Mùi C đợi. S và Đ đi đến khu đồi trọc sau nhà bà Phan Sừ M trộm cắp 02 con trâu (01 con trâu mẹ và 01 con trâu con) của gia đình bà M buộc ở đó, S dắt trâu mẹ còn Đ lừa con trâu con đi phía sau. Đi khoảng 500 mét thì đến nương ngô nhà bà Phan Mùi C nằm giáp phía bên tay phải đường theo hướng B đi M. Lúc này G, N, T, P, S đã đợi sẵn ở đó, S dắt trâu đến bãi đất giữa nương ngô giáp 3 hòn đá to, S buộc trâu mẹ vào bụi cây mọc trên cạnh một hòn đá, G bảo Đ lên đường cảnh giới và trông xe, còn lại tất cả cùng nhau giết, mổ trâu lấy đi phần đùi và thịt cho vào bao, sau đó tiếp tục lừa con trâu con xuống bãi đất ở chân đồi, giáp bờ ruộng mổ lấy đùi và thịt cho vào bao tải rồi cùng nhau khiêng toàn bộ số thịt trâu của 2 con gồm 8 bao tải lên đường tỉnh lộ 158 chờ T đến mua. Vì trước đó G đã điện thoại thông báo cho địa điểm cho T đến mua thịt trâu. Tối hôm đó hai anh em Làng Văn Đ và Làng Văn T1 ngủ ở lán gần đó tỉnh giấc thì thấy có ánh đèn pin nên Đ đã ra xem. Đ đi đến nương ngô đứng ở tảng đá gần đó quan sát thấy một nhóm người đang mổ trâu, sau đó Đ lại đi lên tả ly dương trên đường tỉnh lộ 158 quan sát, khi Đ xuống đường đi về thì gặp P, Đ, S đang đứng ở bên kia đường đối diện với Đ. Sau khi được G điện thoại hẹn và thông báo địa điểm đến mua thịt trâu, T rủ em họ là Nguyễn Văn T trú tại: Thôn 3, xã Đ, Thành phố L, tỉnh Lào Cai đi cùng xe ô tô tải thùng biển số 24N-5000 đến mua số thịt trâu trên, T trả cho G 10.000.000 đồng. G nhận tiền và chia cho P 1.300.000 đồng, những người còn lại mỗi người 1.000.000 đồng, số còn lại G sử dụng. T mang số thịt trâu trên đến bán lẻ ở đường Đ, phường D, TP Lào Cai. Hai ngày sau, P gặp Đ ở nghĩa trang B thì dặn không nói cho ai biết việc nhìn thấy bọn P mổ trâu và cho Đ tiền, nhưng Đ không lấy.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận hai con trâu của gia đình bà Phan Sừ M trị giá 50.000.000 đồng.

Tại bản án số 36/2017/HSST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lý A G, Hồ A N, Hoàng Văn S, Vàng Văn T, Lý Láo S, Nguyễn Văn T phạm tội “trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 2 điều 138; điều 20, 53 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lý A G 03 năm 04 tháng 15 ngày tù; Xử phạt bị cáo Hồ A N 03 năm 04 tháng 13 ngày tù; Xử phạt các bị cáo Lý Láo S 03 năm 04 tháng 20 ngày tù; Xử phạt bị cáo Hoàng Văn S 03 năm 04 tháng 20 ngày tù. Xử phạt bị cáo Vàng Văn T 03 năm 04 tháng 13 ngày tù.

Áp dụng điểm e khoản 2 điều 138; điểm b khoản 1 điều 46; điều 20, 53 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 năm 02 tháng 01 ngày.

Ngoài ra án sơ thẩm còn xử phạt 03 bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 02 tháng 08 ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Giải quyết về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng và án phí theo quy định.

Từ ngày 17 đến ngày 18/7/2017 các bị cáo Lý A G, Hồ A N, Hoàng Văn S, Vàng Văn T, Lý Láo S, Nguyễn Văn T đã kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lý A G, Hồ A N, Hoàng Văn S, Vàng Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo; không thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã xét xử. Các bị cáo Lý Láo S, Nguyễn Văn T vắng mặt, không có ý kiến gì.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai về việc giải quyết vụ án: Xét thấy kháng cáo của các bị cáo là không có căn cứ, đề nghị HĐXX căn cứ vào điểm a, khoản 2 Điều 248 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của luật sư Nguyễn Thị D: Chưa đủ căn cứ xác định các bị cáo G, N thực hiện hành vi phạm tội; Các bị cáo khai nhận tội là do trong quá trình điều tra cán bộ và Điều tra viên có hành vi đánh đập, ép buộc các bị cáo phải khai nhận tội; hỏi cung chỉ có bị cáo, không có trợ giúp viên pháp lý tham gia. Điều tra viên đã cho các bị cáo ký không vào giấy trắng và biên bản hỏi cung .v.v.. nhưng chưa được cơ quan điều tra làm rõ. Cấp sơ thẩm không thu thập nhật ký các cuộc điện thoại giữa các bị cáo khi liên lạc rủ nhau trộm cắp tài sản. Vì vậy đề nghị HĐXX hủy án sơ thẩm để điều tra lại.

Ý kiến của luật sư Nguyễn Văn Đ: Các bị cáo không thực hiện hành vi phạm tội; Lời khai nhận tội của bị cáo T trong quá trình điều tra là do các cán bộ và Điều tra viên đã có hành vi đánh đập, ép buộc các bị cáo phải khai nhận tội. Khi lấy lời khai và hỏi cung chỉ có bị cáo, không có trợ giúp viên pháp lý tham gia. Cơ quan điều tra không xác định được các bị cáo liên lạc rủ nhau trộm cắp tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 248; Điều 251 Bộ luật Tố tụng hình sự. Hủy bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo Vàng Văn T không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Mặc dù các bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, các bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo đều cho rằng những lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra là bị các điều tra viên ép cung, mớm cung nhưng các bị cáo cũng như người bào chữa cho các bị cáo không đưa ra được bằng chứng, chứng cứ nào chứng minh bị mớm cung, bức cung hay bị đánh đập, nhục hình.

Tại phiên tòa Hoàng Văn T khai nhận sau khi Lý A G khởi xướng và rủ rê các đồng phạm cùng nhau đi trộm cắp trâu mổ bán lấy tiền chia nhau. Vào chiều ngày 26/4/2013, T đã cùng các bị cáo Lý A G, Hồ A N, Lý Láo S, Hoàng Văn S, Vàng Văn T, Hoàng Văn T, Lý Dú P, Lý Ông Đ đến quán nhà sàn gần Ủy ban nhân dân xã B bàn bạc và cùng nhau đi tìm trâu, S và Đ bắt trộm được 01 con trâu ở khu vực xã Q rồi dắt về suối B, xã B rồi cùng nhau mổ trâu lấy đùi và thịt bán lấy tiền chia nhau. Ngày 19/6/2013 T đã cùng Hồ A N, Lý Dú P, Lý Láo S, Hoàng Văn S, Vàng Văn T, Hoàng Văn T, Lý Ông Đ trộm cắp 01 con trâu của gia đình nhà ông Lý A T là bố của Lý A G ở thôn Km4 xã B rồi cùng nhau mổ lấy đùi và thịt bán.

Lý Dú P và Lý Ông Đ khai nhận ngoài việc tham gia 02 vụ trộm cắp trâu như Hoàng Văn T khai, ngày 13/11/2013 bị cáo P và Đ đã cùng Lý A G, Hồ A N, Lý Láo S, Hoàng Văn S, Vàng Văn T, trộm cắp 02 con trâu của bà Phan Sửu M ở tại thôn N xã B mổ lấy đùi và thịt bán lấy tiền chia nhau.

Các bị cáo Hoàng Văn T, Lý Dú P, Lý Ông Đ đều khai nhận Lý A G và Hồ A N là người khởi xướng. Khi tìm được trâu các bị cáo dắt trộm trâu đến nơi vắng vẻ, ít người qua lại rồi dùng búa và dao mang theo để đập chết trâu rồi cùng nhau mổ thịt cắt lấy đùi và thịt trâu cho vào bao tải, G và N trực tiếp liên hệ để bán thịt trâu và chia tiền cho các đồng phạm.

Quá trình điều tra: Đối với Lý A G, tại bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, Biên bản hỏi cung bị can do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát huyện B lấy (Bút lục 155 đến 167; Bút lục 1573 đến 1577), Lý A G đều khai nhận đã cùng đồng phạm là N, S, T, S, P, T, Đ thực hiện hành vi trộm cắp trâu vào các ngày 26/4/2013 tại xã Q dắt đến giết thịt tại suối B, xã B. Trong vụ trộm cắp trâu ngày 13/11/2013 G khai nhận đã cùng đồng phạm là N, S, T, S, P, T, Đ trộm cắp 02 con trâu tại thôn N, xã B, huyện B dắt xuống nương ngô của gia đình bà C mổ cắt lấy đùi và thịt trâu bán cho Nguyễn Văn T. Ngoài ra, Lý A G còn khai trong vụ trộm ngày 13/11/2013 có T tham gia là vì G nghĩ T đã bỏ trốn.

Đối với Hồ A N, tại Biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung Hồ A N (Bút lục 184 đến 193; các bút lục từ 1673 đến 1676) Hồ A N đều khai nhận đã tham gia 03 vụ trộm cắp trâu vào các ngày 26/4/2013; ngày 19/6/2013; ngày 13/11/2013 cùng các đồng phạm như G khai. Riêng vụ trộm cắp ngày

19/6/2013 không có Lý A G vì tài sản trộm cắp là của gia đình nhà bố đẻ Lý A G.

Đối với Hoàng Văn S, tại bản tự khai, Biên bản hỏi cung Hoàng Văn S (Bút lục 271 - 276; các bút lục từ 1765 đến 1766) S đều khai đã cùng tham gia thực hiện 02 vụ trộm cắp trâu gồm vụ trộm cắp ngày 19/6/2013 tại thôn km4 trộm trâu của ông T bố của G và vụ trộm cắp trâu ngày 13/11/2013 tại thôn N, còn vụ trộm cắp trâu ngày 26/4/2013 do thực hiện nhiều vụ trộm cắp trâu trên địa bàn huyện B nên bị cáo không nhớ.

Đối với Vàng Văn T, tại Biên bản lấy lời khai, Biên bản hỏi cung đối với Vàng Văn T (Bút lục 305 đến 306; 309 đến 318; và các bút lục từ 1810a đến 1810b), Vàng Văn T khai đều nhận thực hiện 02 vụ trộm cắp trâu vào các ngày 19/6/2013 trộm cắp trâu nhà ông T và vụ trộm cắp trâu ngày 13/11/2013 tại thôn N xã Bản Sèo. Bị cáo khai nhận từ tháng 4/2013 đến khi bị bắt bị cáo thực hiện nhiều vụ trộm cắp trâu trên địa bàn tỉnh Lào Cai trong đó tại huyện B 07 vụ nên bị cáo không nhớ cụ thể thời gian từng vụ.

Đối với Lý Láo S, tại Biên bản lấy lời khai, Biên bản hỏi cung đối với Lý Láo S (Bút lục 335 đến 348; và các bút lục từ 1700 đến 17030 Lý Láo S khai đều thực hiện 03 vụ trộm cắp trâu vào các ngày 26/4/2013; ngày 19/6/2013 và ngày 13/11/2013 cùng các đối tượng như các bị cáo đã khai.

Lời khai của các bị cáo G, N, S, S, T đều có sự phù hợp với thời gian, địa điểm và cách thức thực hiện hành vi trộm cắp tài sản theo lời khai của các bị cáo T, P, Đ đã khai nhận tội tại phiên tòa.

Trong các Biên bản lấy lời khai, Biên bản hỏi cung các bị cáo nhiều biên bản nêu trên đều có sự tham gia của Kiểm sát viên và trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai bào chữa và bảo vệ quyền lợi cho bị cáo.

Đối với Nguyễn Văn T, tại bản tự khai của Nguyễn Văn T vào ngày 19/3/2014 và Biên bản ghi lời khai và Biên bản hỏi cung (Bút lục 396 đến 400; BL 1856 - 1865) Nguyễn Văn T đều khai nhận vào khoảng 22 giờ ngày 13/11/2013, khi được Lý A G điện thoại gọi mua thịt trâu do G cùng đồng phạm trộm cắp, Nguyễn Văn T đã rủ Nguyễn Văn T đi cùng và điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 24N - 5000 đến mua thịt trâu tại khu vực thôn N giáp danh với xã M, việc mua bán thịt trâu do Lý A G là người liên hệ bán, T biết rõ thịt trâu mua của G là do G và đồng phạm trộm cắp.

Tại biên bản nhận dạng được lập ngày 18/9/2014, cơ quan điều tra đã tiến hành cho Nguyễn Văn T tiến hành nhận dạng Hồ A N. Kết quả Nguyễn Văn T đã nhận dạng đúng Hồ A N, biên bản này có chữ ký của Nguyễn Văn T, Hồ A N và tất cả những người tham gia đối chiếu để nhận dạng. Tại biên bản nhận dạng được lập ngày 17/9/2014, cơ quan điều tra đã tiến hành cho Hồ A N tiến

hành nhân dạng Nguyễn Văn T. Kết quả Hồ A N đã nhận dạng đúng Nguyễn Văn T. Quá trình thực hiện việc nhận dạng Nguyễn Văn T, Hồ A N không có khiếu nại gì.

- Tại Báo cáo giải trình việc điều tra giải quyết vụ án Lý A G cùng đồng bọn trộm cắp tài sản xảy ra năm 2013, 2014 tại huyện B, tỉnh Lào Cai của cán bộ, Điều tra viên đã xác định: “quá trình hỏi cung bị can tại Công an huyện B luôn có cán bộ điều tra, Kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia cùng, đối với các bị can là người dân tộc tH số đều được trợ giúp pháp lý theo quy định và các trợ giúp viên pháp lý được phân công tham gia hỏi cung bị can. Quá trình làm việc tại cơ quan điều tra các đối tượng đều tự khai hành vi phạm tội của mình và hành vi phạm tội của đồng bọn. Kết thúc buổi làm việc hỏi cung bị can, các bị can đều được nghe lại lời khai của mình trong biên bản hỏi cung bị can và xác nhận là đúng, ký tên vào biên bản, tuyệt đối không có bị can ký không vào biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung”. (BL số 2926 - 2934)

- Tại bản báo cáo số 130/BC- TGPL ngày 22/12/2015 của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai đã xác định: “Tại các buổi làm việc, các trợ giúp viên khẳng định các bị can đều tự nguyện khai báo, không có chuyện bị đánh đập, bức cung, mớm cung”. (BL 2969 - 2970)

- Tại hồ sơ bệnh án mà cơ quan điều tra thu thập theo yêu cầu của bị cáo Hoàng Văn S và luật sư thì Hoàng Văn S vào viện điều trị từ 15/02/2014 đến 18/02/2014 điều trị bệnh: Động kinh (BL 3875-3893). Vì vậy lời khai của S bị đánh là không có căn cứ.

- Tại bản Kết luận Giám định số: 108 ngày 05/10/2015; số 109 ngày 15/10/2015; số 110 ngày 06/10/2015 của Phòng kỹ thuật giám định hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: Chữ viết trong biên bản lấy lời khai và các bản tự khai của Lý A G, và Hồ A N do Lý A G và Hồ Văn N viết ra.

Đối với yêu cầu của các luật sư về thu thập dữ liệu liên lạc điện thoại di động giữa các bị cáo khi liên lạc trong việc thực hiện việc trộm cắp trâu vào các ngày 26/4/2013; ngày 19/6/2013; ngày 13/11/2013. Quá trình điều tra các bị cáo đều khai ở thời điểm đó có bị cáo sử dụng sim VinaPhone, có bị cáo sử dụng sim VIETTEL và đều là sim rác, không đăng ký theo quy định trong hệ thống viễn thông, một số bị cáo cũng không nhớ số điện thoại của mình cũng như của các bị cáo khác. Cơ quan viễn thông đã trả lời nhật ký cuộc gọi đi và đến các số điện thoại mà luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị cung cấp không còn lưu trong hệ thống.

Về chứng cứ ngoại phạm, quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã xác định: Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai của Nguyễn Văn T thể hiện vào cuối tháng 12/2013 thì anh rể của Lý A G là H xin cho Lý A G vào làm tại công ty H, công việc là phụ đồ, G đi làm khoảng 10 ngày vào cuối tháng và anh T là

người trực tiếp chấm công. Tại lời khai của chị Nguyễn Thị T khai tháng 01/2014 tổ thuyền 2 báo mất bảng chấm công nên đã nhờ công ty tích hộ lương và chi đều cho anh em. Không có căn cứ nào chứng minh Lý A G làm việc tại công ty H vào các ngày 26/4/2013, ngày 19/6/2013 và ngày 13/11/2013 (BL 2889 đến 2819).

Tại biên bản lấy lời khai của ông Hoàng Văn S1, ông S1 khai Hoàng Văn S có đi tuốt lúa cùng ông khoảng thời gian 01 tháng là tháng 8 âm lịch năm 2013; tại biên bản lấy lời khai của ông Giàng Pờ H, ông H khai nhà ông cách nhà ông S khoảng 200m, năm 2013 ông S có đi cắt cỏ cho trâu cùng ông, nhưng không phải là ngày nào cũng đi cắt cỏ. Tại biên bản lấy lời khai của chị Hoàng Thị D (Con gái Hoàng Văn S) khai có được bác Sáng là anh trai của bố tôi đưa giấy làm chứng ông Pờ H sau đó tôi đến nhà ông S1 chơi thấy anh L viết hộ giấy cho anh S1, viết xong có nhờ tôi chép lại giấy này, chữ ký của Hoàng Văn S1, Giàng Pờ H là do tôi ký và viết, tôi và mẹ tôi cùng lên xã xin xác nhận. Biên bản lấy lời khai ông Hoàng Văn L trình bày giấy xác nhận người làm chứng ngày 20/8/2015 không phải là chữ viết của tôi, các nội dung tôi cũng không biết ai viết (BL 2797 đến 2808).

Tại biên bản lấy lời khai của ông Lý Dú P khai nhận ngày 15/11/2013 gia đình ông đào móng xây nhà trong sổ thợ làm việc có Lý Láo S, ông có chấm công và trả tiền; Tại biên bản lấy lời khai của ông Tẩn Láo S xác định vào ngày 15/11/2013 ông xây nhà cho ông Lý Dú P và có thuê Lý Láo S cùng làm, hình thức trả tiền công nhật. Tại biên bản lấy lời khai của ông Doãn Thế H xác định Lý Láo S và Lý Ông Đ có làm thợ xây cho anh, anh H xác định Lý Láo S có làm tháng 5/2013 ở gần nhà thi đấu tại phường K, nhưng S T1 xuyên nghĩ nói có việc gia đình và ứng tiền đi về nhà, tính ra một tháng S chỉ làm 5-7 ngày. Căn cứ vào các bản chấm công do công ty xây dựng Đ cung cấp thì không có căn cứ xác định bị can Lý Láo S làm việc vào các ngày 26/4/2013; ngày 19/6/2013, ngày 13/11/2013. (BL 2820 đến 2824) và (BL từ 2827 đến 2852).

Tại biên bản lấy lời khai Vàng Văn K; biên bản lấy lời khai Lù Văn T, Hồ Văn Đ.. đều xác định N có bóc hàng thuê cho anh K vào khoảng tháng 3/2013 thời gian làm khoảng 6 - 7 ngày. Lời khai của Nguyễn Văn N, anh Vui A T, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn P và anh Vui Văn K đều khai vào tháng 5 và 6/2013 Hồ A N có làm thuê khai thác gỗ cho ông Nhường 03 đợt, mỗi đợt cách nhau khoảng 5 - 7 ngày và làm khoảng 12 - 13 ngày nhưng chỉ làm ban ngày, N không ở lại ban đêm. N đi làm không T1 xuyên. Ông N còn khai khoảng năm 2014 anh trai N có đến nhờ xác nhận vào đơn không rõ nội dung. Như vậy không có căn cứ xác định chứng cứ ngoại phạm của N vào các ngày 26/4/2013; ngày 19/6/2013, ngày 13/11/2013 (BL 2510-2512; 2514 - 2528).

Tại các bản tự khai và biên bản lấy lời khai của Vương Văn T, Nguyễn Văn T, Vương Văn S, Lý A G, Lý A S đều khai cuối tháng 7 đầu tháng 8 năm 2013 (Âm lịch) có cùng Vàng Văn T đi tuốt lúa thuê tại Sàng Ma Sáo thời gian khoảng 01 tháng. Như vậy không có căn cứ nào chứng minh ngoại phạm của Vàng Văn T trong các ngày 26/4/2013; ngày 19/6/2013, ngày 13/11/2013 (BL 2999-3014).

Như vậy, căn cứ vào các lời khai nhận tội của các bị cáo Hoàng Văn T, Lý Dịu P, Lý Ông Đ và các lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, đủ cơ sở khẳng định trong các ngày 26/4/2013, ngày 19/6/2013 và ngày 13/11/2013, các bị cáo Lý A G, Hồ A N, Hoàng Văn S, Vàng Văn T, Lý Láo S, Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng các bị cáo Hoàng Văn T, Lý Dịu P, Lý Ông Đ. Vì vậy, các bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B xét xử và tuyên bố phạm tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Các bị cáo Lý A G, Hồ A N, Hoàng Văn S, Vàng Văn T, Lý Láo S, Nguyễn Văn T kháng cáo cho rằng không phạm tội nhưng tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa không đưa ra được các chứng cứ gì khác chứng minh cho việc các bị cáo bị mớm cung, bức cung, bị đánh đập, bị điều tra viên ép ký không các giấy T, biên bản trong quá trình điều tra cũng như các chứng cứ xác định ngoại phạm của mình nên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự đối với Hoàng Văn T, Lý Dịu P, Lý Ông Đ; trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lý A G, Hồ A N, Hoàng Văn S, Vàng Văn T, Lý Láo S, Nguyễn Văn T và giữ nguyên bản án số 36/2017/HSST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai như sau:

Tuyên bố các bị cáo: Lý A G, Hồ A N, Hoàng Văn S, Vàng Văn T, Lý Láo S, Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; Điều 20,53 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lý A G 03 năm 04 tháng 15 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo 25/02/2014.

- Xử phạt bị cáo Hồ A N 03 năm 04 tháng 13 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo 27/02/2014.

- Xử phạt bị cáo Lý Láo S 03 năm 04 tháng 20 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo 20/02/2014.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn S 03 năm 04 tháng 20 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo 20/02/2014.

- Xử phạt bị cáo Vàng Văn T 03 năm 04 tháng 13 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo 27/02/2014.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b khoản 1 Điều 46; Điều 20,53 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 năm 02 tháng 01 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo 27/02/2014.

Các bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ hình phạt tù.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 608; Điều 616 Bộ luật dân sự:

- Buộc các bị cáo: Lý A G, Hồ A N, Lý Láo S, Hoàng Văn S, Vàng Văn T, Hoàng Văn T, Lý Dú P, Lý Ông Đ phải liên đới bồi T1 cho ông Bùi Văn L 35.000.000 đồng. Phần của mỗi bị cáo là 4.375.000 đồng.

- Buộc các bị cáo: Hồ A N, Lý Láo S, Hoàng Văn S, Vàng Văn T, Hoàng Văn T, Lý Dú P, Lý Ông Đ phải bồi T1 cho ông Lý A T 28.000.000 đồng. Phần của mỗi bị cáo là 4.000.000 đồng.

- Buộc các bị cáo: Lý A G, Hồ A N, Lý Láo S, Hoàng Văn S, Vàng Văn T, Lý Dú P, Lý Ông Đ, Nguyễn Văn T phải bồi T1 cho bà Phan Sử M 50.000.000 đồng. Phần của mỗi bị cáo là 6.250.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng các bị cáo phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc các bị cáo Lý A G, Hồ A N, Hoàng Văn S, Vàng Văn T, Lý Láo S, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự đối với Hoàng Văn T, Lý Dú P, Lý Ông Đ; trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự ”.

T.M Hội đồng xét xử phúc thẩm

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Minh Quán